

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 94/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 9 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Duy

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Nhận

Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Loan, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 8 – Cà Mau tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Mộng Đẹp - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Hồng V, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khóm B, phường G, tỉnh Cà Mau (địa chỉ cũ: Ấp B, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu)

Chỗ ở hiện nay: Khóm A, phường G, tỉnh Cà Mau (địa chỉ cũ: Khóm A, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu)

- Bị đơn: Ông Trần Chí N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khóm B, phường G, tỉnh Cà Mau (địa chỉ cũ: Ấp B, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Hồng V trình bày:

Về hôn nhân: Bà Võ Thị Hồng V1 và ông Trần Chí N kết hôn vào năm 2011, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân P, thị xã G. Do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, thường hay cự cãi, nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân được khoảng hơn 02 tháng, từ thời điểm ly thân bà V và ông N cũng không có gặp nhau để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nay bà V xác định quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Chí N

Về con chung: Quá trình chung sống bà Võ Thị Hồng V và ông Trần Chí N có 02 người con chung tên Trần Huỳnh Chí N1, sinh ngày 30/8/2010 và Trần Huỳnh Thảo N2, sinh ngày 30/9/2020, hiện con đang sinh sống cùng với bà V. Sau khi ly hôn bà V yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng các con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Bà Võ Thị Hồng V xác định không có nợ chung.

Bị đơn ông Trần Chí N, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông N theo quy định nhưng ông N không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng cho ông N và ông N cũng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho bà Võ Thị Hồng V được ly hôn với ông Trần Chí N. Về con chung: Giao cháu Trần Huỳnh Chí N1, sinh ngày 30/8/2010 và Trần Huỳnh Thảo N2, sinh ngày 30/9/2020 cho bà V được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; ông N không phải cấp dưỡng nuôi con, ông N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Bà Võ Thị Hồng V phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau.

[1.2.] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị Hồng V có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Trần Chí N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Hồng V và ông Trần Chí N kết hôn vào năm 2011, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã G. Do đó, căn cứ theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nguyên nhân ly hôn theo bà V xác định vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống nên cuộc sống không còn hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, vợ chồng đã ly thân hơn 02 tháng, tình cảm vợ chồng không còn nữa, các bên cũng không có biện pháp để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Hơn nữa, ông N đã được Tòa án triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, cho thấy ông N cũng không có thiện chí hòa giải đoàn tụ với bà V. Từ đó, thấy rằng đời sống hôn nhân giữa bà V và ông N lâm vào tình trạng trầm trọng không thể kéo dài, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng V, cho bà V được ly hôn với ông Trần Chí N.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu của bà Võ Thị Hồng V yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Huỳnh Chí N1, sinh ngày 30/8/2010 và Trần Huỳnh Thảo N2, sinh ngày 30/9/2020, Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi bà V và ông N ly thân đến nay bà V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con, hiện tại hai cháu cũng có cuộc sống ổn định, phát triển tốt. Do đó, để bảo đảm quyền lợi con chung có điều kiện sống tốt nhất, Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Trần Huỳnh Chí N1, sinh ngày 30/8/2010 và Trần Huỳnh Thảo N2, sinh ngày 30/9/2020 cho bà Võ Thị Hồng V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Chí N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Hồng V không yêu cầu về tài sản chung, đồng thời bà V xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Hồng V phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cà Mau

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Hồng V được ly hôn với ông Trần Chí N
2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Huỳnh Chí N1, sinh ngày 30/8/2010 và Trần Huỳnh Thảo N2, sinh ngày 30/9/2020 cho bà Võ Thị Hồng V được nuôi dưỡng, chăm sóc, ông Trần Chí N không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Hồng V phải chịu 300.000 đồng. Bà V đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012988 ngày 22 tháng 7 năm 2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu án phí.
5. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 8 – Cà Mau;
- P. THADS khu vực 8 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Duy